



Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Số: 479 /TT-~~MB~~-HĐQT

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Quân đội

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 ("**Luật các TCTD**"); Luật Doanh nghiệp 2014; Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ("**Nghị định 71**"); Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông tư 13**");

Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân đội.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội ("**MB**") năm 2019 như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung:

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ MB nhằm đảm bảo phù hợp quy định mới của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13 và quy định pháp luật có liên quan, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện của MB cùng các cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ủy ban chứng khoán nhà nước và yêu cầu thực tiễn trong tổ chức, hoạt động của MB.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung các Điều/Khoản/Mục cụ thể của Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ MB tại Phụ lục và 02 Dự thảo Quy chế đính kèm, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn tổ chức, hoạt động của MB.

3. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

3.1. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ MB tại Mục 2 Tờ trình.

3.2. Ủy quyền và giao Hội đồng Quản trị quyết định hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ MB, phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Hữu Đức

PHỤ LỤC

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị MB và Quy chế Quản trị nội bộ MB và Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội)
(Đính kèm Tờ trình số/TT-HĐQT ngày/2019 v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội)

Sst	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 3. HĐQT và cơ cấu HĐQT	Khoản 2 Điều 3 Quy chế: <i>HDQT cử ra Thường trực HDQT để thường xuyên nắm tình hình hoạt động và xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động của MB giữa hai kỳ họp HDQT.</i>	Bỏ quy định Thường trực HDQT tại Cơ cấu HĐQT	Bỏ để phù hợp với Thông tư 13/2018/TT-NHNN
		Khoản 5 Điều 3 Quy chế: <i>Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên HDQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ MB và Quy chế này</i>	<i>Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch HDQT, Phó Chủ tịch HDQT và các thành viên HDQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ MB và Quy chế này</i>	Bổ sung để phù hợp với hoạt động MB và thống nhất với khoản 1 Điều 5 Quy chế: <i>HDQT bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch HDQT trong số các thành viên HDQT theo nguyên tắc đa số quá bán</i>
		Khoản 7 Điều 3 Quy chế: <i>7. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HDQT phải có thêm các điều kiện sau: 7.1 Tỷ lệ số người tham gia thành viên HDQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại MB, phù hợp quy định của NHNN. 7.2. Không giữ chức vụ Chủ tịch HDQT;</i>	Đề xuất bỏ	Bỏ do hiện tại MB là công ty đại chúng, các quyền tham gia HDQT của cổ đông nước ngoài sẽ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Điều lệ MB

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
2	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	Khoản 3 Điều 4 Quy chế: <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, công ty con, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</u>	<u>Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính; quyết định mô hình tổ chức của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp MB trong nước.</u>	Phù hợp thực tế tại MB: HĐQT quyết định mô hình tổ chức và chức năng của Chi nhánh, văn phòng đại diện của MB.
		Khoản 4 Điều 4 Quy chế: <u>Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp</u>	<u>Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và quyết định các nội dung khác có liên quan đến mang lưới thuộc nhiệm vụ của HĐQT theo quy định pháp luật.</u>	Phù hợp với: - Thông tư 21/2013/TT-NHNN - Yêu cầu quản trị của MB
		Khoản 5 Điều 4 Quy chế: <u>Quyết định tổng biên chế, quỹ lương, quỹ thưởng, duyệt quyết toán lương, ban hành khung bậc lương.</u>	<u>Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, chi phí lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ MB và quy định nội bộ của MB.</u>	Phù hợp với hoạt động của MB
		Khoản 5 Điều 4 Quy chế: <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh TGD, Phó TGD, Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, Giám đốc các Khối, Giám đốc chi nhánh, công ty con (trong trường hợp Công ty con 100% vốn của MB đầu tư), đơn vị sự nghiệp, Trường Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành</u>	<u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Thư ký HĐQT và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của HĐQT, phù hợp quy định pháp luật.</u>	Phù hợp với khoản 5 Điều 63 Luật các TCTD và thực tiễn hoạt động của MB; các chức danh khác do HĐQT quyết định hoặc phân cấp theo quy định nội bộ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Khoản 8 Điều 4 Quy chế: <u>Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng.</u>	Sửa đổi vào Khoản 8 Điều 58 như sau: “8. <u>Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHDCĐ.</u> ”	Để rõ ràng và chính xác theo Khoản 8 Điều 63 Luật các TCTD ¹ . (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
		Khoản 9 Điều 4 Quy chế: <u>Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 128 của Luật các TCTD 2010 và Điều lệ MB, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB.</u>	Bổ sung vào Khoản 9 Điều 4 như sau: “9. <u>Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 127, Khoản 7 Điều 128 của Luật các TCTD và các khoản cấp tín dụng khác pháp luật quy định HĐQT quyết định, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHDCĐ quy định tại Điều lệ MB.</u>	Để bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật khác từng thời kỳ (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
		Khoản 10 Điều 4 Quy chế: <u>Thông qua các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của MB,....</u>	“10. <u>Thông qua các hợp đồng của MB với công ty con, công ty liên kết của MB,....</u> ”	Sửa về câu chữ.
		Khoản 11 Điều 4 Quy chế: <u>Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của TGD và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.</u>	<u>Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của TGD theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm.</u>	Để phân định rõ trách nhiệm của HĐQT và TGD phù hợp Điều 63 Luật các TCTD, Thông tư 13/2018/TT-NHNN và thực tiễn hoạt động của MB (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
		Khoản 13 Điều 4 Quy chế <u>Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến cơ quan kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy</u>	Đề xuất bỏ	Pháp luật hiện không quy định bắt buộc, bỏ để tránh tăng trách nhiệm của HĐQT (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa</i>

¹ Khoản 8 Điều 63 Luật các TCTD: “Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của TCTD từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của TCTD ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của TCTD quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật này.” (Khoản 2 Điều 59 quy định về thẩm quyền của ĐHDCĐ)

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung đổi cũng đã điều chỉnh).
		định của NHNN. Khoản 15 Điều 4 Quy chế: <u>Trên cơ sở quy định của pháp luật, hướng dẫn của NHNN, ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ.</u>	Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. "	Sửa về câu chữ và làm rõ thẩm quyền ban hành quy định nội bộ của HĐQT (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 17 Điều 4 Quy chế: <u>Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật.</u>	Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật; Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông	Để làm rõ quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định pháp luật (Thông tư 155/2015/TT-BTC và điểm 1 khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD ²). (nội dung này Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 18 Điều 4 Quy chế: <u>Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</u>	Lựa chọn tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để thẩm định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.	Sửa về câu chữ theo khoản 15 Điều 63 Luật các TCTD ³ : HĐQT lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật và Khoản 1 5 Điều 4 Luật giá 2012 ⁴) (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 20 Điều 4 Quy chế: <u>Kiến nghị ĐHĐCĐ chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc yêu cầu phá sản</u>	Kiến nghị ĐHĐCĐ việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.	Để phù hợp Khoản 3 Điều 63 và Điểm r Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi

² Thông tư 155/2015/TT-BTC quy định người thực hiện công bố thông tin là cá nhân cụ thể - không thuộc thẩm quyền của HĐQT. Luật các TCTD (Điểm 1 K.2 Điều 59) quy định thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm là ĐHĐCĐ

³ Khoản 15 Điều 63 Luật các TCTD: "15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật"

⁴ Khoản 15 Điều 4 Luật Giá: "Thẩm định giá là việc cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá trị bằng tiền của các loại tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá."

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung cũng đã điều chỉnh).
		MB. Khoản 24 Điều 4 Quy chế: <i>Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông</i> Khoản 26 Điều 4 Quy chế: <i>Quy định các chính sách/cơ chế lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, tiền phạt đối với khách hàng áp dụng trong hệ thống MB phù hợp quy định của pháp luật.</i>	Đề xuất bỏ Đề xuất bỏ	Điều khoản này đã được đưa lên khoản 17 Điều 4 (như trên) Pháp luật không quy định HĐQT phải trực tiếp quy định các nội dung này. Thực tế HĐQT MB đã phân cấp cho TGD thực hiện <i>(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).</i>
		Khoản 27 Điều 4 Quy chế: <i>Trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định việc trích lập và cách thức sử dụng các Quỹ; việc chia lợi tức cổ phần, phù hợp các quy định của pháp luật.</i>	<i>Quyết định trích lập các quỹ (sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác phù hợp quy định pháp luật) trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định về việc sử dụng các quỹ; quy định trích lập và sử dụng các quỹ (trước thuế) phù hợp quy định pháp luật.</i>	- Để làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT phù hợp Điều 59 Luật các TCTD và Nghị định 93/2017/NĐ-CP ⁵ - Ngoài ra, theo quy định pháp luật, có một số quỹ trích lập được tính là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như: <i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp</i>
3	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	Chưa có	<i>Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của HĐQT đối với TGD trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp quy định pháp luật.</i>	Phù hợp với khoản 2 Điều 3, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

Adh

⁵ Điều 59 Luật các TCTD và Nghị định 93/2017/NĐ-CP⁵ quy định: ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của TCTD; việc phân phối lợi nhuận sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (ngoài các khoản phải phân phối và quỹ pháp luật đã quy định cụ thể về mức trích lập) sẽ do TCTD quyết định

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
4	Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT	Khoản 3 Điều 5 Quy chế: Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo Khoản 3 Điều 5 Quy chế: Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó Chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo ... Sửa đổi như sau: Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ sung để cập nhật các trường hợp khác theo quy định pháp luật, ngoài trường hợp chủ tịch vắng mặt, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT khác. Phù hợp với khoản 4 Điều 152 Luật Doanh nghiệp ⁶
5	Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT	Chưa có	Quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của HĐQT, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật.	Phù hợp quy định pháp luật (Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp; Khoản 5 Điều 43 Luật các TCTD ⁷ thì: HĐQT bổ nhiệm chức danh Thư ký HĐQT; Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm chức danh thư ký công ty; các chức danh khác pháp luật không quy định sẽ quy định cụ thể tại Điều lệ/quy định nội bộ của MB) và thực tiễn hoạt động MB.

° Khoản 4 Điều 152 Luật DN quy định: Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

7 Khoản 5 Điều 152 Luật DN: “Khi xét thấy cần thiết, **Chủ tịch Hội đồng quản trị** tuyển dụng **thư ký công ty** để hỗ trợ **Hội đồng quản trị** và **Chủ tịch Hội đồng quản trị** thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty”; Khoản 5 Điều 43 Luật các TCFD: “**Hội đồng thành viên** có **Thư ký** để giúp việc cho **Hội đồng quản trị**, **Hội đồng thành viên**. **Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định.**”

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: Người đứng đầu/Phụ trách các Khối/Phó Giám đốc các Khối (và tương đương); Người đứng đầu/Phụ trách các Chi nhánh; Các chức danh quản lý của Văn phòng HĐQT, Khối Đầu tư; Giám đốc phụ trách kinh doanh vùng và các chức danh khác theo quy định nội bộ, phù hợp quy định pháp luật. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, trang thiết bị của MB (theo phân cấp của HĐQT từng thời kỳ), trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT và TGD, trên cơ sở tham mưu, tư vấn của (các) Ủy ban thuộc HĐQT. Chỉ đạo hoạt động đầu tư, góp vốn mua cổ phần và các nội dung khác có liên quan trên cơ sở phương án đầu tư, góp vốn đã được HĐQT phê duyệt, phù hợp quy định pháp luật; chỉ đạo hoạt động quản lý công ty thành viên phù hợp quy định pháp luật, quy định MB Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của Người đại diện của MB tại các Công ty thành viên trên cơ sở tham mưu, tư vấn (các) Ủy ban thuộc HĐQT. Quyết định các nội dung chi tiết việc triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới hàng sau khi đã được HĐQT phê duyệt trên cơ sở tham mưu, tư vấn của (các) Ủy ban thuộc HĐQT.	(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh). - Phù hợp với thực tiễn hoạt động MB và Quy định bổ nhiệm và luân chuyển CBNV do HĐQT ban hành (các chức danh này đang do Chủ tịch HĐQT quyết định) - Thông nhất với khoản 5 Điều 58 Điều lệ sửa đổi: <u>HĐQT</u> bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: TGD, Phó TGD, KTT, Thư ký HĐQT và các chức danh khác (nếu có) theo quy định HĐQT. Việc bổ sung quyền và trách nhiệm của HĐQT như bên đề đảm bảo Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT được kịp thời, hiệu quả trên cơ sở ý kiến tham mưu, tư vấn của (các) ủy ban thuộc HĐQT, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, quyết định/phê duyệt của HĐQT từng thời kỳ.

Phan

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			<i>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ quyền và nhiệm vụ của ĐHQĐ, HĐQT, TGD, phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.</i> <i>Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật</i>	Việc bổ sung để HĐQT có thể phân cấp cho Chủ tịch ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn đã quy định.
6	Quyền hạn, nhiệm vụ của Phó Chủ tịch HĐQT	Chưa có	Đề xuất bổ sung 01 khoản tại Điều 5 Quy chế về nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT, cụ thể: <i>Phó Chủ tịch HĐQT giúp việc Chủ tịch HĐQT theo phân công của Chủ tịch HĐQT. Số lượng và nhân sự (các) Phó Chủ tịch HĐQT cụ thể do HĐQT quyết định.</i>	Bổ sung để phù hợp hoạt động MB
7	Điều 6. Quyền hạn, nghĩa vụ của thành viên HĐQT	Khoản 4 Điều 6 Quy chế: <i>Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT</i> Chưa có	Đề xuất bỏ <i>Không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định thuộc chức năng, nhiệm vụ của TGD, trừ trường hợp thành viên HĐQT là TGD</i> Bổ sung trách nhiệm: <i>Thành viên HĐQT phải thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn các nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.</i>	Chuyển sang thẩm quyền của HĐQT tại Điều 4 Quy chế. Phù hợp với Thông tư 13/2018/TT-NHNN và thực tiễn hoạt động MB Bổ sung để phù hợp hoạt động MB (nâng cao trách nhiệm của thành viên HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này).
8	Điều 7 Thường trực HĐQT và các Ủy	Tên gọi: Thường trực HĐQT và các Ủy ban của HĐQT	Đề xuất sửa thành: Các Ủy ban của HĐQT	Sửa đổi để phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	ban của HĐQT	Khoản 1 Điều 7 Quy chế: Nhiệm vụ quyền hạn của Thường trực HĐQT và/hoặc các Ủy ban của HĐQT theo quy định của HĐQT MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật	✓ HĐQT thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, trong đó có Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản trị cấp cao và các Ủy ban khác (nếu cần thiết). ✓ Nhiệm vụ quyền hạn của các Ủy ban của HĐQT theo quy định tại Quy chế này và phù hợp quy định pháp luật.	Sửa đổi để phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN
		Khoản 2 Điều 7 Quy chế: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thường trực và các Ủy ban của HĐQT được quyền ra quyết định và sau đó phải báo cáo HĐQT bằng văn bản.	Đề xuất bỏ	Sửa đổi để phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN
		Chưa có quy định	Bổ sung bổ sung các nội dung trọng yếu về nhiệm vụ và quyền hạn của các ủy ban tại Quy chế, cụ thể:	
		Chưa có quy định	Khoản 2 Điều 7: 2.2.1. Ủy ban quản lý rủi ro có các chức năng, nhiệm vụ sau: ✓ Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB. ✓ Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT (theo phân giao của HĐQT từng thời kỳ), phù hợp quy	Phù hợp với khoản 2 Điều 25, mục (i) điểm b khoản 2 Điều 26 VBHN 20/VBHN-NHNN ngày 12/12/2018

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			định pháp luật. ✓ Đề xuất, tham mưu cho HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với TGD trong việc quản lý rủi ro, phù hợp quy định pháp luật. ✓ Các nhiệm vụ, chức năng khác do HĐQT quyết định, phù hợp quy định pháp luật. 2.2.2.Cơ cấu tổ chức của Ủy quan quản lý rủi ro: Ủy ban quản lý rủi ro có tối thiểu ba thành viên, gồm Chủ tịch Ủy ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định; trong đó có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của HĐQT.	
	Chưa có quy định		Khoản 2.2 Điều 7: 2.2.1.Ủy ban nhân sự có các chức năng, nhiệm vụ sau: ✓ Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển dụng nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng. ✓ Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các	Phù hợp với khoản 2 Điều 25 mục (ii) điểm b khoản 2 Điều 26 VBHN 20/VBHN-NHNN ngày 12/12/2018.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			chức danh thành viên HĐQT và Người điều hành ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB. ✓ Các nhiệm vụ, chức năng khác do HĐQT quyết định, phù hợp quy định pháp luật. 2.2.2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân sự: Ủy ban nhân sự có tối thiểu ba thành viên, gồm Chủ tịch Ủy ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định;	
	Chưa có quy định		Khoản 2.3 Điều 7: 2.3.1. Ủy ban quản trị cấp cao có chức năng, nhiệm vụ sau: ✓ Tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ khác có liên quan theo phân giao của HĐQT từng thời kỳ. ✓ Đề xuất, tham mưu cho HĐQT thực hiện giám sát quản lý cấp cao theo phân giao của HĐQT, phù hợp quy định pháp luật. ✓ Các nhiệm vụ, chức năng khác do HĐQT quy định, phù hợp quy định pháp luật. 2.3.2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản trị cấp cao: Ủy ban quản trị cấp cao gồm: Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT chuyên	Phù hợp với điểm b khoản 9 Điều 10 TT 13 và định hướng của HĐQT.

Handwritten signature

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			trách và các thành viên HDQT khác (nếu có) theo quyết định của HDQT.	
		Chưa có quy định	Khoản 4 Điều 7. Các Ủy ban khác (nếu cần thiết)	Bổ sung để phù hợp với yêu cầu quản trị và thực tiễn MB.
9	Điều 8. Những người không được đảm nhiệm chức vụ	Khoản 6 Điều 8 Quy chế: Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB;	Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.	Bổ sung để dự trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật có cho phép sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam được đảm nhiệm chức vụ thành viên HDQT tại MB.
		Khoản 10 Điều 8 Quy chế: Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT của MB theo quy định của pháp luật, Điều 52 Điều lệ MB hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc MB bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;	Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép	Điều chỉnh theo điểm d khoản 1 Điều 33 Luật các TCTD (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
10	Điều 12. Thay thế thành viên HDQT	Khoản 1 Điều 12 Quy chế: Trường hợp Chủ tịch HDQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HDQT, thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch (trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất) tạm thời điều hành công việc của HDQT.	Trường hợp Chủ tịch HDQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HDQT, thì HDQT cử ra một thành viên HDQT tạm thời điều hành công việc của HDQT và báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật.	Điều chỉnh để phù hợp Điều 35 Luật các TCTD

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
11	Điều 13. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	Khoản 1 Điều 13 Quy chế: <u>Chủ tịch và thành viên HĐQT của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u>	<u>Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u>	Đề xuất bổ sung chức danh Phó Chủ tịch HĐQT để phù hợp với khoản 1 Điều 5 Quy chế: <u>HĐQT bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.</u>
12	Điều 14.Đương nhiệm mất tư cách	Điểm 1.7 khoản 1 Điều 14 Quy chế: <u>Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT</u> ... <u>Quyết định của Thống đốc NHNN chấp thuận hoặc Quyết định của HĐQT bỏ nhiệm các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực.</u>	<u>1.7. Quyết định bầu, bổ nhiệm để thay thế đối với chức danh Thành viên HĐQT của nhiệm kỳ mới có hiệu lực theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB"</u>	Đề phù hợp Điều 35 Luật các TCTD (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
13	Điều 15. Các cuộc họp của HĐQT.	Khoản 4 Điều 15 Quy chế: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau: ...</u> 4.3. <u>Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.</u> 4.4 <u>Các trường hợp khác theo quy định pháp luật</u>	<u>4.3. Có đề nghị thành viên HĐQT;</u> <u>Bổ sung dưới mục 10.5 Khoản 10 Điều 15 Quy chế như sau:</u> ✓ <u>Trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp sau khi được đa số thành</u>	Đề phù hợp khoản 3 Điều 65 Luật các TCTD ⁸ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Điểm 10.3 Khoản 10 Điều 15 Quy chế: <u>Ủy quyền cho người khác không phải là Thành viên HĐQT dự họp sau khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</u>		Phù hợp với: khoản 1 Điều 138 Bộ luật Dân sự ⁹ ; điểm b khoản 9, khoản 10 Điều 153 Luật Doanh nghiệp ¹⁰ . khoản 11 Điều 63 Điều lệ MB ¹¹

⁸ Khoản 3 Điều 65 Luật các TCTD: "Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị: 3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường".

⁹ Khoản 1 Điều 138 BLDS 2015 quy định: Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự;

¹⁰ Điểm b khoản 9, khoản 10 Điều 153 Luật Doanh nghiệp¹⁰ quy định: Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận

¹¹ Khoản 11 Điều 63 Điều lệ MB¹¹ quy định: Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			viên <u>HĐQT chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản giấy.</u> Bổ sung dưới mục 10.5 Khoản 10 Điều 15 Quy chế như sau: ✓ Người được ủy quyền được tham dự và biểu quyết (trừ trường hợp phạm vi ủy quyền có quy định khác) ✓ Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền theo đúng quy định pháp luật và phạm vi ủy quyền; đồng thời thông tin cho Người ủy quyền về các nội dung thực hiện biểu quyết có liên quan đến nội dung biểu quyết đó. ✓ Thành viên HĐQT ủy quyền chịu trách nhiệm về các công việc do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.	
		Khoản 11 Điều 15 Quy chế: <u>Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền</u>	<u>Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả trường hợp gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền (trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT</u>	Bổ sung để làm rõ cơ chế ra quyết định của HĐQT theo nguyên tắc quá bán, bao gồm cả trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền cho thành viên HĐQT khác. (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 12 Điều 15 Quy chế: Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì <u>biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung</u>	Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp...	Điều chỉnh để phù hợp thực tiễn MB.

Sst	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<i>tại cuộc họp coi như không có giá trị ..</i>		
14	Điều 20. Bộ máy giúp việc của HĐQT	Khoản 2 Điều 20 Quy chế: HĐQT có thể có các nhân viên giúp việc chuyên trách. HĐQT quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương của các nhân viên giúp việc chuyên trách này.”	HĐQT có thể thành lập các cơ quan, có nhân viên giúp việc chuyên trách. Chủ tịch HĐQT quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của HĐQT, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật.	Điều chỉnh phù hợp hoạt động MB (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 3 Điều 20 Quy chế: HĐQT, Thường trực HĐQT có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ MB và các quy định pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB	Đề xuất bỏ <u>Thường trực HĐQT</u> có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập	Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 4 Điều 20 Quy chế: Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị MB được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty là Chánh Văn phòng HĐQT và/hoặc người khác theo quyết định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ.	Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị MB được tiến hành một cách có hiệu quả, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty là Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc người khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ quyền hạn của Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ.</u>	Phù hợp với thẩm quyền tuyển dụng thư ký công ty của Chủ tịch HĐQT theo khoản 5 Điều 152 Doanh nghiệp và Điều 5 Quy chế (Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch)
15	Điều 21. Thủ lao và	Khoản 4 Điều 21 Quy chế: Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều	Sửa thành: <u>Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT</u>	Phù hợp với thực tiễn MB.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Điều khoản chỉ phí hoạt động	<i>hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT chuyên trách, hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng: một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của HĐQT</i>	<i>chuyên trách (là thành viên có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT hoặc thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của HĐQT, phù hợp quy định pháp luật</i>	
16	Điều 22. Điều khoản thi hành	Khoản 2 Điều 22 Quy chế: <i>Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2015 và thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT MB ban hành kèm theo Quyết định số 511/QĐ-MB-HĐQT ngày 21/08/2012 của HĐQT MB.</i>	Sửa đổi Khoản 2 Điều 22 như sau: “2. Quy chế này được ĐHCĐ MB nhất trí thông qua ngày tháng năm 2019. Quy chế này thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT MB ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT MB.”	Sửa đổi để chính xác.
17	Các Điều 5, Điều 20, Điều 22	Mục 2.3 khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 20, khoản 3 Điều 22	Bổ các nội dung về “Thường trực HĐQT”.	Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Công văn hướng dẫn của NHNN
18	Các vấn đề khác về từ ngữ		Điều chỉnh “theo quy định pháp luật” thành “phù hợp định pháp luật” (tại các khoản 5 Điều 3, khoản 32 Điều 4, khoản 12 Điều 15,...) Khác (nếu có)	Để rõ ràng, chính xác và phù hợp thực tế tại MB
II	Quy chế Quản trị nội bộ			

Sst	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	- Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành MB công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế; - - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến MB;	- <i>Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành MB công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;</i> - - <i>Đảm bảo lợi ích của cổ đông và những người có quyền lợi liên quan "</i>	Phù hợp điểm c khoản 1 Điều 2 NB 71) ¹² và nguyên tắc quản trị cơ bản phải tuân thủ quy định pháp luật (ngoài các quy định của NHNN)
2	Điều 3. Cơ cấu quản trị ngân hàng	Cơ cấu quản trị MB gồm có: - Đại hội đồng Cổ đông; - Hội đồng Quản trị; <u>Thường trực Hội đồng Quản trị;</u> - Ban kiểm soát;	Đề xuất bỏ mục 3 Điều 3 - Thường trực Hội đồng Quản trị và tất cả quy định/nội dung về Thường trực HĐQT được nêu tại Quy chế.	Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN, CV hướng dẫn của NHNN (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
3	Điều 5. Quyền của cổ đông	Mục 1.6 khoản 1 Điều 5 Quy chế: <i>Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho MB, theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp với quy định của NHNN</i>	Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho MB, theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định pháp luật.	Sửa về câu chữ (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
4	Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông	Khoản 1.2. Điều 6 Quy chế: <i>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì Thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của MB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</i>	 <i>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i>	Điều chỉnh để phù hợp với khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp ¹³ .

¹² Điểm c Khoản 1 NB 71/2017/NĐ-CP. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

¹³ Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp: "... Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra"

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
5	Điều 7.DHĐCĐ	Khoản 1 Điều 7 Quy chế: ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp... Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền, theo quy định của HĐQT.	ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp <u>DHĐCĐ</u> . Các cổ đông tự mình tham dự hoặc cử người đại diện cho mình tham dự họp. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền, theo quy định của <u>HĐQT MB</u> .	Viết lại để đầy đủ, rõ ràng. (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 3 Điều 7 Quy chế: Các kiểm toán viên độc lập sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm	<u>Hội đồng quản trị có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên phù hợp quy định pháp luật.</u>	Do pháp luật không bắt buộc các kiểm toán viên độc lập phải tham dự ĐHĐCĐ thường niên, mà chỉ trong các trường hợp nhất định theo Khoản 4 Điều 81 Nghị định 71 ¹⁴ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Mục 4.3. khoản 4 Điều 7 Quy chế: Khi cần quyết định chủ trương xử lý các vấn đề bất thường trong hoạt động kinh doanh của MB; các tranh chấp, tố tụng quan trọng; hoặc xử lý các vấn đề khẩn cấp khác	Đề xuất bỏ	Các nội dung này <u>đã thuộc</u> trường hợp tại Khoản 33 Điều 21 Quy chế “HĐQT yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật” (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Mục 4.4 khoản 4 Điều 7 Quy chế: Khi số thành viên của HĐQT hoặc số thành viên của Ban kiểm soát nhỏ hơn số thành viên của Ban kiểm soát nhỏ hơn so với quy định của pháp luật;	Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật”	Đề phù hợp Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD ¹⁵ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 7 Điều 7 Quy chế: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông	Sửa dẫn chiếu “Điểm 4.6” thành “Điểm 4.5”	Để chính xác về dẫn chiếu điều khoản

¹⁴ Khoản 4 Điều 81 Nghị định 71: “Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên”.

¹⁵ Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD: “Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này”.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
6	Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHQT	hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.6 Khoản 4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB Điểm 1.3 khoản 1 Điều 8 Quy chế: <u>Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và Ban Kiểm soát.</u> Điểm 1.5 khoản 1 Điều 8 Quy chế: <u>... MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.</u>	“<u>Phê chuẩn Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT MB</u>” và <u>Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát MB</u>”. Bổ sung “và các lợi ích khác” tại Khoản 1.5 Điều 8 như sau: “1.5. ... MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.”	Phù hợp quy định của Luật các TCTD (Khoản 2 Điều 59¹⁶) (<u>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</u>). Đề đầy đủ và phù hợp với thực tiễn tại MB (<u>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</u>).
7	Điều 10. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	Khoản 1.8 Điều 8 Quy chế: <u>Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định của pháp luật.</u> Khoản 1 Điều 10, Khoản 2 Điều 11 Quy chế: - <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông</u> Khoản 1 Điều 10 Quy chế:	Sửa đổi Khoản 1.8 Điều 8 (sửa “<u>quyết định</u>” thành “<u>thông qua</u>”) như sau: “1.8. <u>Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.</u>” Sửa “<u>Giấy mời họp</u>” thành “<u>Thông báo mời họp</u>” khoản 1 Điều 10 và Điều 11 Quy chế cho thống nhất Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 như sau:	Để chính xác theo quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD (<u>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</u>). Đề phù hợp với thực tiễn và xu hướng hiện nay (<u>có thể gửi thông báo mời họp thông qua phương thức điện tử</u>) (<u>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</u>). Đề phù hợp quy định tại Điều 10 Quy

¹⁶ Điểm c Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHQT: “Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát”.

S/tt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của MB. ...	Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.	chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (ban hành kèm theo Quyết định 197 /QĐ-VSD) ¹⁷
		Khoản 5 Điều 10 Quy chế: Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng	Bổ Khoản 5 Điều 10	Đề phù hợp thực tiễn MB là công ty niêm yết, danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.
8	Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 13 Quy chế: Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề biểu quyết trong chương trình họp “.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 13 như sau: “Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.”	Đề phù hợp với thực tiễn tại MB (Hiện MB chỉ cấp 1 thẻ biểu quyết tương ứng theo số thứ tự sắp xếp ngẫu nhiên của từng cổ đông) (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 2 Điều 13 Quy chế:Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành , sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành và không có ý kiến ... “	Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 như sau: “2.....Việc biểu quyết được thực hiện thông qua hình thức giao thẻ biểu quyết: ghi mã số thứ tự cổ đông để xác định số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.”	Đề phù hợp với thực tiễn tại MB ¹⁸ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 4 Điều 13 Quy chế:	Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 (sửa “Chủ tịch”	Đề chỉnh xác về từ ngữ

¹⁷ TCPH nhận Danh sách người sở hữu chứng khoán được quyền dự họp ĐHĐCĐ từ VSD sau khi đã gửi hồ sơ thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

¹⁸ Cách thức biểu quyết hiện tại của MB: hình thức giao thẻ biểu quyết, ghi 2/3 số phiếu biểu quyết ít hơn của từng vấn đề, Tổng hợp báo cáo theo phương thức loại trừ.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		“...; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa theo phương thức trên thì 01 thành viên HĐQT điều khiển để ĐHĐCĐ bầu ra Chủ tịch trong số những người đến dự họp.”	thành “Chủ tọa”) như sau: Chủ tọa theo phương thức trên thì 01 thành viên HĐQT điều khiển để ĐHĐCĐ bầu ra Chủ tọa trong số những người đến dự họp...”	(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Khoản 8 Điều 13 Quy chế: Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một các hợp lệ ...	“8. Chủ tọa của Đại hội hoặc người được ủy quyền có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ....”	Điều chỉnh để phù hợp thực tiễn MB.
		Khoản 4 Điều 14 Quy chế: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm 1.1; 1.4; 1.6; 1.14, 1.16 khoản 1 Điều 8 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Chuyển Điểm “1.14” khởi Khoản 4 Điều 14 về các vấn đề bắt buộc ĐHĐCĐ phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	Pháp luật (Khoản Điều 59 Luật các TCTD ¹⁹) không có quy định bắt buộc trường hợp tại Điểm 1.14 Điều 14 Quy chế phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
9	Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điểm 5.1 khoản 5 Điều 14 Quy chế: Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm 5.3 Khoản này và Điểm 1.14 Khoản 1 Điều 8 Quy chế này	Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm 5.3 Khoản này	
		Điểm 5.3 khoản 5 Điều 14 Quy chế: - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý MB.	Điều chỉnh 02 nội dung “Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh” và “Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty”: không thuộc trường hợp phải được số cổ đông đại diện trên 65% số phiếu biểu quyết của tất	Pháp luật (Điểm c Khoản 3 Điều 59 Luật các TCTD ²⁰) quy định các trường hợp này không bắt buộc phải được số cổ đông đại diện trên 65% số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp

¹⁹ Khoản 4 Điều 59 Luật các TCTD: “4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, e và r khoản 2 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ”.

²⁰ Điểm c Khoản 3 Điều 59 Luật các TCTD: “Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, p và r khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tin dụng quy định”.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung <u>chấp thuận</u>
			cả cổ đông dự họp chấp thuận, chuyển sang trường hợp phải được cổ đông đại diện trên 51% tổng phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (tại Khoản 5.1 Điều 14).	<i>(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).</i>
10	Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 2 Điều 15 Quy chế: <i>Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.</i>	Sửa đổi Khoản 2 Điều 15 (bỏ “ <u>các tài liệu giải trình dự thảo</u> ”) như sau: “2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. <u>Phiếu lấy ý kiến...</u> ”	Đề phù hợp với thực tiễn tổ chức họp ĐHCĐ tại MB (không phải mọi vấn đề đều phải có “tài liệu giải trình”); đồng thời vẫn bảo đảm phù hợp Điều 145 Luật Doanh nghiệp <i>(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).</i>
		Khoản 6 Điều 15 Quy chế: <i>HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông nắm giữ chức vụ quản</i>	Bổ sung nội dung tại Khoản 6 Điều 15 như sau: “ <u>HDQT tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý MB.</u> ”	Đề giảm thủ tục không cần thiết, vẫn phù hợp Khoản 5 Điều 145 Luật DN ²¹ <i>(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).</i>
		Mục 7.6 khoản 7 Điều 15 Quy chế: <i>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của MB và của người giám sát kiểm phiếu.</i>	Sửa đổi Mục 7.6 Khoản 7 Điều 15 (bỏ “ <u>Người đại diện theo pháp luật</u> ” và bổ sung “ <u>người kiểm phiếu</u> ”): “3.7. Họ, tên, chữ ký của <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> và của người giám sát kiểm phiếu, <u>người kiểm phiếu.</u> ”	Bổ sung “ <u>người kiểm phiếu</u> ”, để phù hợp với thực tiễn tổ chức họp ĐHCĐ tại MB, phù hợp Điều 145 Luật Doanh nghiệp ²² <i>(nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).</i>

²¹ Khoản 5 Điều 145 LDN; “HDQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.”

²² Điểm c Khoản 5 Điều 145 LDN: “Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.”

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
11	Điều 16. Biên bản họp ĐHĐCĐ	Khoản 3 Điều 16 Quy chế: Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến NHNN.	Bổ sung nội dung tại Khoản 3 Điều 45 như sau: "3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến NHNN."	Để làm rõ thủ tục gửi quyết định của ĐHĐCĐ đến NHNN trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp Điều 61 Luật các TCTD ²³ (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
	Điều 19. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên HĐQT	Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 19 Quy chế: 4. Trường hợp có đồng nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau: 4.1. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại MB, phù hợp quy định của NHNN.	Sửa tương tự khoản 7 Điều 3 Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT (như tại mục I)	
		Khoản 6 Điều 19 Quy chế: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại Quy chế bầu cử.		
		Bổ sung Khoản 6 Điều 58 như sau: "Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại Quy chế bầu cử. Trường hợp sau lượt bầu thứ nhất mà chưa đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên		

²³ Điều 61 Luật các TCTD: "Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước".

Sst	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			<i>Ban Kiểm soát dự kiến thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu cho đến khi đủ số lượng dự kiến hoặc thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. "</i>	
13	Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT		Sửa tương tự Điều 4 Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT (như tại mục I)	
14	Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT		Sửa tương tự Điều 4 Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT (như tại mục I)	
15	Điều 23. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT		Sửa đổi tương tự Điều 5 Quy chế Tổ chức & hoạt động của HĐQT (như tại mục I)	
16	Điều 25. Thay thế thành viên HĐQT		Sửa tương tự Điều 12 Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT (như tại mục I)	
17	Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	Mục 10.4 khoản 10 Điều 26 <u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc.</u> <u>Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của ít nhất cá những người dự họp...</u>	Sửa đổi Khoản 10.4 Điều 63 (bổ nội dung gạch chân) như sau: <u>Thủ tục gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ MB.</u>	Điều chỉnh để phù hợp hoạt động MB
		Khoản 9 Điều 26 Quy chế:	<i>Trường hợp biểu quyết bằng văn bản (nếu</i>	Sửa về câu chữ để chính xác theo

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp ...	văn bản <u>giấy</u> thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp ...	khoản 9 Điều 153 Luật Doanh nghiệp ²⁴ và thực tiễn MB (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
		Tên gọi: Thường trực HĐQT và các Ủy ban của HĐQT	Đề xuất sửa thành: Các Ủy ban của HĐQT	
		Khoản 1 Điều 27 Quy chế: HĐQT cử ra Thường trực HĐQT có trách nhiệm giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh của MB thuộc quyền hạn của HĐQT giữa hai kỳ họp	Đề xuất bỏ Khoản 1 Điều 27 về cơ chế Thường trực HĐQT và bỏ các nội dung liên quan đến Thường trực HĐQT tại Điều 28 Quy chế.	Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN
18	Điều 27 Thường trực HĐQT và các Ủy ban của HĐQT	Khoản 2, khoản 3 Điều 27 Quy chế: 2. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn thành viên, nhiệm vụ quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị và/hoặc các Ủy ban của HĐQT theo quy định của HĐQT MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật. 3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thường trực và các Ủy ban của HĐQT được quyền ra quyết định và sau đó phải báo cáo HĐQT bằng văn bản.	Điều chỉnh khoản 2, khoản 3 Điều 27 Quy chế như sau: 1. HĐQT có các Ủy ban thuộc HĐQT để đề xuất, tham mưu HĐQT thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao, gồm: Ủy ban quản trị cấp cao; Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy ban nhân sự; Các ủy ban khác (nếu cần thiết) 2. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn thành viên, nhiệm vụ quyền hạn của Các Ủy ban của HĐQT theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, các quy định khác của HĐQT MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật.	Phù hợp với Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN, thống nhất với Dự thảo Điều lệ sửa đổi và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT sửa đổi.
19	Điều 29.	Khoản 4 Điều 29 Quy chế:	Sửa đổi Khoản 4 Điều 29 như sau:	Đề phù hợp quy định pháp luật (Thành

²⁴ Khoản 9 Điều 153 Luật Doanh nghiệp: “Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc”.

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Thành phần nhiệm vụ và kỳ (BKS)	Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Bỏ cụm từ “hoặc bổ nhiệm lại” Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.”	viên BKS do ĐHCĐ bầu – Điều 59 Luật các TCTD) (nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh).
20	Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát	Khoản 1.8, khoản 1.9 Điều 31 Quy chế 1.8 Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Thường trực HĐQT theo quy định tại Điều lệ MB, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. 1.9 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT, Thường trực HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.	1.8. Tham gia các cuộc họp của HĐQT; có quyền tham gia họp các Ủy ban của HĐQT theo quy định tại Điều lệ MB và các quy định nội bộ có liên quan; phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. 1.9. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT, các Ủy ban của HĐQT (trường hợp tham gia) nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT, ý kiến tư vấn, tham mưu của các Ủy ban của HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh để phù hợp với Phù hợp Thông tư 13/2018/TT-NHNN và yêu cầu quản trị của MB.
21	Điều 34	Khoản 3 Điều 34 Quy chế: Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban điều hành do Hội đồng quản trị quy định, phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.	TGD ban hành Quy chế làm việc của Ban Điều hành và báo cáo theo quy định MB	Phù hợp thực tế MB (HĐQT sẽ quy định cơ cấu, chức năng bộ máy giúp việc của TGD đến cấp báo cáo trực tiếp TGD (CEO-1); TGD quyết định cơ cấu, chức năng của các cấp còn lại và phân công nhiệm vụ cụ thể bộ máy giúp việc của TGD phù hợp quy định)
22	Điều 35. Nguyên tắc phối hợp	Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau: 1. 2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định	Sửa đổi wording 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của MB;	Điều chỉnh để phù hợp thực tiễn hoạt động MB

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành của liên quan của pháp luật và của MB;	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		HDQT hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ phối hợp giữa Hội đồng Quản trị - Ban điều hành và Người quản lý khác trong từng thời kỳ, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau : 1. HDQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông/cổ đông, trước pháp luật về kết quả hoạt động cuối cùng của MB và việc vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ MB gây thiệt hại cho MB. 2. HDQT thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này và quy định nội bộ của MB, phù hợp với quy định của pháp luật. HDQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của MB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (không bao gồm các vấn đề Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền việc ra quyết định cho HDQT) và các vấn đề cần xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật. 3. HDQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ MB, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của MB.		
	Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban điều hành và Người quản lý khác		1. HDQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao HDQT thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này và quy định nội bộ của MB, phù hợp với quy định của pháp luật. HDQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của MB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, BKS, TGD HDQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ MB, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của MB, phù hợp	Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 63 Luật các TCTD Điều chỉnh theo khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp Điều chỉnh để đảm bảo phù hợp quy định pháp luật (nếu có)

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi <i>quy định pháp luật.</i>	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		4. Tổng Giám đốc MB hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền được giao.	Tổng Giám đốc MB hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền.	Điều chỉnh câu từ cho chính xác
		Khoản 5 Điều 36 Quy chế: 5. HĐQT được quyền yêu cầu Ban điều hành và các Đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành các nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ MB, phù hợp với quy định của pháp luật.	HĐQT được quyền yêu cầu Ban điều hành và các đơn vị báo cáo có liên quan thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ MB, phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều chỉnh câu từ cho chính xác
		Khoản 6 Điều 36 Quy chế: 6. Tổng Giám đốc MB có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với HĐQT MB bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật; chịu trách nhiệm về chất lượng các thông tin, báo cáo cung cấp cho HĐQT.	Tổng Giám đốc MB có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với HĐQT MB bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật và các trách nhiệm khác có liên quan theo quy định nội bộ MB.	Phù hợp thực tiễn hoạt động MB
24	Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban hành và Người quản lý	Khoản 1 Điều 38 Quy chế: 1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao: - Trưởng hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý khác có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành. Khi tham dự, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành gửi cho Ban kiểm soát 01 Biên bản	1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao: Trưởng hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành. Khi tham dự, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành gửi cho Ban kiểm soát 01 Biên bản	Điều chỉnh do Người quản lý khác (TV HĐQT, Chủ tịch HĐQT) có quyền mời Trưởng BKS tham dự các cuộc họp, gửi biên bản họp là không phù hợp thực tiễn; ngoài ra, pháp luật không có quy định về việc mời họp này.

S/tt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Cần cứ sửa đổi, bổ sung
	khác	viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành và <u>Người quản lý khác</u> gửi cho Ban kiểm soát 01 Biên bản họp này. - Ban điều hành và <u>Người quản lý khác, Trưởng phòng/ban Hội sở chính MB thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc theo quy định của MB.</u> - Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành và <u>Người quản lý khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.</u> - Trưởng hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của MB, Ban điều hành và <u>Người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.</u> - Ban điều hành và <u>Người quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.</u>	hợp này. - Ban điều hành và Trưởng phòng/ban Hội sở chính MB thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc theo quy định của MB. - Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện. - Trưởng hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của MB, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó. - Ban điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.	Điều chỉnh do Người quản lý khác của MB có bao gồm cả Chủ tịch HĐQT, Thành viên BKS → việc quy định các đối tượng này phải báo cáo với BKS là không phù hợp.

Đã

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
25	Điều 39. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi	Khoản 1 Điều 39 Quy chế: <i>Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Người quản lý khác phải lương thiện, chí công vô tư, không gây mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích MB và có các nghĩa vụ</i>	(sửa “thành viên Ban điều hành” thành “Người điều hành”): “1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý khác của MB phải lương thiện, chí công vô tư, không có xung đột lợi ích với MB và có các nghĩa vụ: ...”	Sửa về câu chữ để chính xác theo khoản 6 Điều 38 Luật các TCTD và khoản 16 Điều 3 Thông tư 13 ²⁵ (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
26	Điều 42. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người	Khoản 5 Điều 39 Quy chế: <i>Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 39 Luật các TCTD</i> <i>nếu có</i>	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của MB (nếu có) có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 39 Luật các TCTD và văn bản hướng dẫn thi hành như sau: ...”	Đề phù hợp Điều 39 Luật các TCTD ²⁶ (<i>nội dung này Dự thảo Điều lệ MB sửa đổi cũng đã điều chỉnh</i>).
		Khoản 1 Điều 42 Quy chế: Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây: - Tự nhận xét đánh giá; - Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng; - Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;	Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây: - Tự nhận xét đánh giá; - Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng; - Đánh giá hoạt động hàng năm	Điều chỉnh theo thực tiễn hoạt động (Thời hạn đánh giá hoạt động hàng năm sẽ thực hiện theo quyết định của HĐQT).

²⁵ Khoản 6 Điều 38 Luật các TCTD quy định về Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng.

Khoản 16 Điều 3 Thông tư 13: “Xung đột lợi ích là tình huống khi một cá nhân, bộ phận đưa ra các quyết định theo thẩm quyền tạo ra lợi ích không phù hợp hoặc trái với lợi ích của ngân hàng (thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)”

²⁶ Điều 39 Luật các TCTD: “1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phải công khai với tổ chức tín dụng các thông tin sau đây: ...”

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	quản lý khác	Khoản 2 Điều 42 Quy chế: <u>Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.</u>	<u>HDQT kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của TGD theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm</u>	- Điều chỉnh để thống nhất với khoản 11 Điều 58 Điều lệ MB. - Ngoài ra, Theo Điều 64 Luật các TCTD quy định thẩm quyền đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT là của <u>Chủ tịch HĐQT</u> .
		Khoản 4 Điều 42 Quy chế: <u>Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm và cho ý kiến đề xuất đánh giá đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</u>	<u>Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động các chức danh khác của MB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá của ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS</u>	Điều chỉnh để phù hợp Điều lệ và Thông tư 13 (HĐQT kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD; TGD có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, chỉ đạo đối với các cá nhân, bộ phận khác của MB).
27	Điều 46. Kỳ luật	Khoản 2 Điều 46 Quy chế "2. <u>Hội đồng Quản trị/BKS có thẩm quyền quyết định kỳ luật đối với các chức danh do Hội đồng Quản trị/BKS bổ nhiệm theo quy định của HĐQT/BKS</u> ".	" <u>Hội đồng Quản trị/BKS có thẩm quyền quyết định kỳ luật đối với các chức danh do Hội đồng Quản trị/BKS bổ nhiệm theo quy định của HĐQT/BKS</u> ".	HĐQT kỳ luật đối với chức danh TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của HĐQT, phù hợp quy định pháp luật → không đương nhiên với mọi chức danh do HĐQT bổ nhiệm thì HĐQT đều quyết định kỳ luật, mà sẽ thực hiện " <u>theo quy định của HĐQT</u> ", tương tự các chức danh do BKS bổ nhiệm; TGD bổ nhiệm/tuyển dụng.
		Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỳ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền bổ nhiệm/tuyển dụng theo quy định của MB	<u>Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỳ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền bổ nhiệm/tuyển dụng theo quy định của MB</u>	
		Khoản 1 Điều 48 Quy chế: <u>Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 17/08/2018.</u>	Sửa đổi Khoản 1, khoản 3 Điều 48 như sau: <u>Quy chế này được ĐHĐCĐ MB nhất trí thông qua ngày tháng ... năm 2019. Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 898/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT MB.</u>	Để phù hợp với thời điểm hiện tại.
28	Điều 48. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	Khoản 3 Điều 48 Quy chế: <u>Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở chấp thuận của ĐHĐCĐ</u>		Sửa đổi để chính xác.

Thư

Stt	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
29	Các vấn đề khác về từ ngữ		Điều chỉnh “<i>theo quy định pháp luật</i>” thành “<i>phù hợp định pháp luật</i>” (tại các Điều 6, Điều 8, Điều 16, Điều 19 , Điều 21, Điều 31, Điều 36, Điều 40...) Khác (nếu có)	Để rõ ràng, chính xác theo quy định pháp luật và phù hợp thực tế tại MB

DỰ THẢO
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội quy định nguyên tắc, chế độ hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Các từ hoặc thuật ngữ, nếu không được giải thích khác đi trong Quy chế này, có nghĩa như được định nghĩa tại Điều lệ MB.

Điều 3. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các Ủy ban để giúp việc trong một số lĩnh vực liên quan, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Hội đồng quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị MB là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không phải là Người điều hành của MB và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện phù hợp quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ MB và Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB. Trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ thường niên, đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và quyết định các nội dung khác có liên quan đến mạng lưới thuộc nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật.
4. Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính; quyết định mô hình tổ chức của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp MB trong nước.
5. Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, chi phí lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ MB và quy định nội bộ của MB.
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật.
7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
8. Cử người đại diện vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 127, Khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng và các khoản cấp tín dụng khác pháp luật quy định HĐQT quyết định, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB.
11. Thông qua các hợp đồng của MB với công ty con, công ty liên kết của MB, các hợp đồng của MB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
13. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
14. Phê duyệt kế hoạch/mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng giám đốc đề nghị.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MB.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật; Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

18. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để thẩm định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.

21. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

22. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MB.

23. Quyết định mua lại cổ phần của MB theo quy định tại Điều lệ MB.

24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

25. Quyết định trích lập các quỹ (sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác phù hợp quy định pháp luật) trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định về việc sử dụng các quỹ; quy định trích lập và sử dụng các quỹ (trước thuế) phù hợp quy định pháp luật.

26. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

27. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

28. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.

29. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

30. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

31. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp quy định pháp luật.

32. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ MB và phù hợp quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;

2.5. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của MB, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.6. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh;

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;

2.8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ;

2.9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

2.11. Quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật.

2.12. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: người đứng đầu/Phụ trách các Khối/Phó Giám đốc các Khối (và tương đương đương tại MB và công ty con); người đứng đầu/Phụ trách các Chi nhánh; các chức danh quản lý của Văn phòng Hội đồng quản trị, Khối Đầu tư và các chức danh khác theo quy định nội bộ, phù hợp quy định pháp luật.

2.13. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, trang thiết bị của MB (theo phân cấp của HĐQT từng thời kỳ), trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT và TGD, trên cơ sở tham mưu, tư vấn của Ủy ban thuộc HĐQT.

2.14. Chỉ đạo hoạt động đầu tư, góp vốn mua cổ phần và các nội dung khác có liên quan trên cơ sở phương án đầu tư, góp vốn đã được HĐQT phê duyệt, phù hợp quy định pháp luật; chỉ đạo hoạt động quản lý công ty thành viên phù hợp quy định pháp luật, quy định MB.

2.15. Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của Người đại diện của MB tại các Công ty thành viên.

2.16. Quyết định các nội dung chi tiết việc triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới MB hàng năm sau khi đã được HĐQT phê duyệt.

2.17. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2.18. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc MB biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị giúp việc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Số lượng và nhân sự (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MB.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành MB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

6. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

7. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

8. Không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn các nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp quy định của Điều lệ MB và quy định pháp luật.

Điều 7. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, trong đó có Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản trị cấp cao và các Ủy ban khác (nếu cần thiết). Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban của Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này và quy định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật.

2. Nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các Ủy ban:

2.1. Ủy ban quản lý rủi ro

2.1.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.
- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (theo phân giao của Hội đồng quản trị từng thời kỳ), phù hợp quy định pháp luật.
- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro, phù hợp quy định pháp luật.
- Các nhiệm vụ, chức năng khác do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức: Ủy ban quản lý rủi ro có tối thiểu ba thành viên, gồm Chủ tịch Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định; trong đó có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.

2.2. Ủy ban nhân sự

2.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển dụng nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Người điều hành ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB.
- Các nhiệm vụ, chức năng khác do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật.

2.2.2. Cơ cấu tổ chức: Ủy ban nhân sự có tối thiểu ba thành viên, gồm Chủ tịch Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định.

2.3. Ủy ban quản trị cấp cao

2.3.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quản trị cấp cao:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ khác có liên quan theo phân giao của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng quản trị thực hiện giám sát quản lý cấp cao theo phân giao của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật.

- Các nhiệm vụ, chức năng khác do Hội đồng quản trị quy định, phù hợp quy định pháp luật.

2.3.2. Cơ cấu tổ chức: Ủy ban quản trị cấp cao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và các thành viên Hội đồng quản trị khác (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2.4. Các Ủy ban khác (nếu cần thiết)

CHƯƠNG IV

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BẢY NHIỆM, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Những người không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị MB:

1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
3. Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
5. Cán bộ, công chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB;
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật;
7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
11. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của MB và/hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

12. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

13. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Những trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị MB không cùng đảm nhiệm chức vụ:

1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của MB;
2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB không được đồng thời là Người điều hành của MB và tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - 1.1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ MB và quy định của pháp luật;
 - 1.2. Có đạo đức nghề nghiệp
 - 1.3. Có bằng đại học trở lên;
 - 1.4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:
 - 2.1. Không phải là người đang làm việc cho MB hoặc công ty con của MB hoặc đã làm việc cho MB hoặc công ty con của MB bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
 - 2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên, phụ cấp khác của MB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.
 - 2.3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của MB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của MB hoặc công ty con của MB.
 - 2.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB.

2.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của MB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

2.6. Các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc cho Hội đồng quản trị như cán bộ nhân viên MB, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng quản trị MB phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc chưa đủ ít nhất 01 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do.

3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

4. MB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.

Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thì Hội đồng quản trị cử ra một thành viên Hội đồng quản trị tạm thời điều hành công việc của Hội đồng quản trị và báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu hoặc vi phạm quy định tại Điều 56 – Điều lệ MB, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên HĐQT theo



quy định hoặc phát sinh vi phạm, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 13. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 1.1 Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- 1.2 Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
- 1.3 Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- 1.4 Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ MB và pháp luật;
- 1.5 Không tham gia các hoạt động của HĐQT (đối với thành viên Hội đồng quản trị) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 1.6 Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của MB.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị MB phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
 - 1.1 Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - 1.2 Vi phạm quy định tại Điều 48 Điều lệ MB;
 - 1.3 Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;
 - 1.4 Tư cách làm người đại diện vốn góp theo ủy quyền của cổ đông tổ chức chấm dứt;

1.5 Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.6 MB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

1.7 Quyết định bầu để thay thế đối với chức danh Thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5 khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của MB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của MB sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

CHƯƠNG V

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN

BẢNG VĂN BẢN

Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MB hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và/hoặc quy định tại Quy chế này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- 4.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- 4.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- 4.3. Có đề nghị của thành viên của Hội đồng quản trị;
- 4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên dự họp khác như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp phải được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, các hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên được đăng ký tại MB.

Thành viên Ban kiểm soát là thành phần tham dự đương nhiên của các cuộc họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc hoặc người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ MB. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

10.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

10.2 Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp.

10.3. Ủy quyền cho người khác không phải là Thành viên Hội đồng quản trị dự họp sau khi được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản giấy.

10.4. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

10.5. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Người được ủy quyền được tham dự và biểu quyết (trừ trường hợp phạm vi ủy quyền có quy định khác); Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền theo đúng quy định pháp luật và phạm vi ủy quyền; đồng thời thông tin cho Người ủy quyền về các nội dung thực hiện biểu quyết có liên quan đến nội dung biểu quyết đó.

Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền chịu trách nhiệm về các công việc do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu tán thành, bao gồm cả gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền (trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chủ tọa, các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng về công việc tiến hành tại các cuộc họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp; Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 16. Nguyên tắc làm việc tại cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc cuộc họp
 - Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ MB liên quan.
 - Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách vì lợi ích của MB.
 - Phát huy dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.
2. Trật tự cuộc họp:
 - Thành viên/Khách mời ngồi đúng vị trí theo biển tên hoặc hướng dẫn của Văn phòng Hội đồng quản trị.
 - Thành viên/Khách mời phát biểu ý kiến theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp.
 - Không hút thuốc lá trong phòng họp.
 - Điện thoại di động để chế độ im lặng.
 - Hạn chế: nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại di động.
 - Không được sử dụng máy ảnh, máy quay phim hoặc bất kỳ phương tiện nào khác với mục đích chụp ảnh và/hoặc ghi âm cuộc họp.
3. Thời gian họp:
 - Cuộc họp được bắt đầu đúng giờ theo Thông báo mời họp của Chủ tọa cuộc họp.
 - Các thành viên, khách mời phải có mặt trước tối thiểu 5 phút trước khi cuộc họp bắt đầu.
 - Người báo cáo phải có mặt trước tối thiểu 15 phút trước khi cuộc họp bắt đầu để chuẩn bị công tác báo cáo.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và các thành phần dự họp

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa cuộc họp

- Bảo đảm cuộc họp được tiến hành phù hợp với quy định của pháp luật, đạt hiệu quả theo chương trình họp đề ra.
 - Điều hành cuộc họp theo Chương trình họp, Quy chế này.
 - Đề xuất thay đổi chương trình họp; hoãn/tạm dừng họp.
 - Duy trì phần thảo luận của các thành viên. Kết luận những vấn đề được thảo luận, điều hành thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này và quy định pháp luật.
2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên và khách mời tham dự cuộc họp
- Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ MB và Quy chế này.
 - Tham dự đầy đủ và biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị). Trường hợp không tham dự được thì thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự họp và biểu quyết hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp.
 - Được nhận Tài liệu họp và các tài liệu khác theo Thông báo của Chủ tọa cuộc họp.
 - Nghiên cứu trước tài liệu báo cáo và chuẩn bị ý kiến phát biểu tại cuộc họp. Trong trường hợp nội dung họp có tính chất phức tạp, các Thành viên có thể bổ sung thêm ý kiến sau cuộc họp nhưng phải được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.
 - Thành viên, khách mời, thư ký cuộc họp có trách nhiệm sử dụng tài liệu họp đúng mục đích, bảo mật thông tin theo quy định của MB và Quy chế này.
 - Được tham dự, phát biểu trực tiếp và biểu quyết tại cuộc họp theo sự điều hành của Chủ tọa chủ trì cuộc họp. Riêng Khách mời có thể thảo luận tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.
 - Các thành viên không trực tiếp dự họp có quyền ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác tham gia và biểu quyết hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản cho Chủ tọa cuộc họp thông qua Văn phòng Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này. Khách mời không trực tiếp tham dự họp có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp thay nếu được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.
 - Các thành viên tham dự họp (trừ Khách mời) được nhận biên bản và nghị quyết cuộc họp.
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này.
3. Quyền và nghĩa vụ của người báo cáo/đơn vị báo cáo
- Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ MB và Quy chế này.
 - Chuẩn bị và gửi tài liệu họp theo quy định tại Quy chế này.
 - Phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực về nội dung trình/báo cáo.
 - Được nhận các tài liệu do các đơn vị khác tham gia trình bày thuộc cùng nội dung tại cuộc họp theo Thông báo của Chủ tọa cuộc họp.
 - Được trình bày trực tiếp nội dung trình và bảo vệ quan điểm tại cuộc họp theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp.
 - Trường hợp Người báo cáo theo chỉ định của Chủ tọa cuộc họp không tham dự họp trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác báo cáo thay nếu được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.
4. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký cuộc họp
- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của cuộc họp.

- Soạn thảo, trình duyệt và ban hành Biên bản, nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Lưu trữ Biên bản, nghị quyết, tài liệu họp theo quy định của MB.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa cuộc họp.

5. Quyền và nghĩa vụ của khách mời

- Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ MB và Quy chế này.
- Phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực về nội dung đóng góp ý kiến.
- Được nhận tài liệu họp và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Điều 18. Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thủ tục kiểm tra trước khi bắt đầu cuộc họp

- Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu họp và rà soát, thẩm tra danh sách thành viên, Người báo cáo, Khách mời theo Thông báo mời họp của Chủ tịch tọa cuộc họp.
- Thư ký cuộc họp thực hiện báo cáo Chủ tọa cuộc họp về kết quả rà soát, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu họp và kết quả rà soát, thẩm tra Người tham dự cuộc họp và đề xuất Chủ tọa bắt đầu cuộc họp khi đủ điều kiện tiến hành cuộc họp.

2. Trình tự cuộc họp

Chương trình họp Hội đồng quản trị theo trình tự sau đây hoặc theo điều hành của Chủ tọa chủ trì cuộc họp:

- Chủ tọa khai mạc và thông qua chương trình họp.
- Đơn vị báo cáo/Người báo cáo trình bày nội dung báo cáo.
- Các khách mời trình bày quan điểm/báo cáo bổ sung thêm thông tin;
- Cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị trình bày báo cáo rà soát (nếu có);
- Các thành viên tiến hành thảo luận.

Chủ tọa cuộc họp kết luận nội dung thảo luận và đề nghị biểu quyết thông qua quyết nghị của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nội dung lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị – Thư ký công ty chịu trách nhiệm tổ chức việc triển khai theo quy định tại Quy chế này, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

2. Thông báo lấy ý kiến ("**Thông báo**") phải được gửi kèm theo Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại MB. Phương án biểu quyết gồm các trường hợp sau: "Đồng ý", "Không đồng ý/Ý kiến khác" hoặc "Không có ý kiến".

3. Thời hạn để Thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến là **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được Thông báo trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyết định khác. Trường hợp sau thời hạn trên mà Thành viên Hội đồng quản trị không gửi ý kiến biểu quyết dưới bất kỳ hình thức nào (văn bản, email, tin nhắn) tới địa chỉ nhận ý kiến biểu quyết thì được hiểu là Thành viên đó "Không có ý kiến".

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi Phiếu biểu quyết theo phương thức trực tiếp, fax, thư điện tử, tin nhắn hoặc phương tiện khác nhưng phải gửi bản gốc Phiếu biểu

quyết về Văn phòng Hội đồng quản trị muộn nhất **5 ngày làm việc** kể từ ngày hết hạn biểu quyết.

6. Hết thời hạn biểu quyết, Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền.

7. Thông báo quyết nghị của Hội đồng quản trị được gửi ngay tới các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị có liên quan thông qua email để kịp thời triển khai thực hiện. Quyết nghị chính thức bằng văn bản sẽ được gửi tới các đối tượng nêu trên muộn nhất là **5 ngày làm việc** kể từ ngày gửi thông báo quyết nghị.

8. Biên bản kiểm phiếu kèm theo Thông báo/Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kiểm phiếu.

9. Hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản (Thông báo, Phiếu biểu quyết, Tài liệu báo cáo, Biên bản kiểm phiếu, Thông báo quyết nghị và các tài liệu khác) phải được lưu trữ tại Văn phòng Hội đồng quản trị theo quy định của MB, phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 20. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng Văn phòng Hội đồng quản trị, Khối Đầu tư, Bộ máy giúp việc và con dấu của MB để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể có các cơ quan, nhân viên giúp việc chuyên trách do HĐQT quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ MB và các quy định pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB.

4. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị MB được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty là Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc người khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ quyền hạn của Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ.

Điều 21. Thù lao và chi phí hoạt động

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của MB.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao của Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (là thành viên có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được soạn thảo trên cơ sở các quy định tại Điều lệ MB, quy định pháp luật hiện hành.

2. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông MB nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2019. Quy chế này thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT MB ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT MB.

3. Hội đồng quản trị MB quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao, đảm bảo phù hợp quy định tại Điều lệ MB, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Hữu Đức

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và (ii) đảm bảo MB hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng TMCP Quân đội được quy định tại Điều lệ MB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cơ quan, đơn vị liên quan khác của MB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ MB;
- Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành MB công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và những người có quyền lợi liên quan;
- Đối xử công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
- Minh bạch trong hoạt động của MB.

Điều 3. Cơ cấu quản trị Ngân hàng

Cơ cấu quản trị MB gồm có:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ, nếu không được giải thích khác đi trong Quy chế này, có nghĩa như được định nghĩa tại Điều lệ MB.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền sau:

1.1. Tham dự họp, phát biểu và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi MB tăng Vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông phù hợp quy định pháp luật. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ MB.

1.4. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho MB, theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp với quy định của pháp luật.

1.5. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của MB, tra cứu các thông tin của bản thân cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.

1.6. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định của Hội đồng quản trị MB.

1.8. Khi MB giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào MB theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

1.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:

2.1. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;

2.2.

2.3. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định pháp luật.

2.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Cổ đông sáng lập của MB ngoài các quyền của cổ đông phổ thông còn có các quyền sau:

3.1. Được giữ "Danh hiệu Cổ đông sáng lập" trong suốt thời gian là cổ đông MB. Danh hiệu Cổ đông sáng lập gắn liền với nhân thân cổ đông;

3.2. Danh hiệu cổ đông sáng lập và quyền ứng cử chức danh thành viên Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng ... dưới mọi hình thức.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và MB về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần của MB;

1.2. Không được rút vốn cổ phần dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp được MB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1.3. Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của MB;

1.4. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

1.5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi số vốn đã góp;

1.6. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của mọi thông tin cung cấp cho MB;

1.7. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của MB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB;

1.8. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

1.9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ

sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho MB, trong trường hợp MB phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, MB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông tự mình tham dự hoặc cử người đại diện cho mình tham dự họp. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền, theo quy định của Hội đồng quản trị MB.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ MB quy định. Hội đồng quản trị có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phù hợp quy định pháp luật.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

4.1. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB.

4.2. Tình hình tài chính của MB cho thấy MB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4.3. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị có chữ ký của các cổ đông có liên quan);

4.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do cho rằng Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014; quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ MB hoặc Hội đồng Quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4.6. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

5. Hội đồng Quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.5 Khoản 4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

8. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do MB thanh toán vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của MB;

- 1.2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
 - 1.3. Phê chuẩn Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát MB;
 - 1.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ MB và quy định của pháp luật;
 - 1.5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát;
 - 1.6. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB;
 - 1.7. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - 1.8. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - 1.9. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - 1.10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
 - 1.11. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
 - 1.12. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 1.13. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - 1.14. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - 1.15. Quyết định thành lập công ty con MB;
 - 1.16. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB;
 - 1.17. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm 1.10 và điểm 1.11 khoản 1 Điều này và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của MB và không được ứng cử với tư cách của chính mình.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được

thông báo bằng văn bản đến MB trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 2.1. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
- 2.2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại MB;
- 2.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- 2.4. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- 2.5. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- 2.6. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng Quản trị MB quy định và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- 3.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
- 3.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
- 3.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- 3.4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- 4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 4.2. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

5. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu MB nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông là tổ chức; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

1.1. Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 39 của Điều lệ MB, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với quy định pháp luật và các quy định của MB;

1.2. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;

1.3. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông.

1.4. Các công việc khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp, hoặc thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang web chính thức của MB đồng thời với việc gửi giấy mời và tài liệu cho các cổ đông.

3. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang web chính thức của MB, 01 tờ báo trung ương và 01 Tờ báo địa phương nơi MB đóng trụ sở chính.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục 06 tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MB chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ MB và không phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị cho MB.

6. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến Chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của MB.

2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

3. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 41% tổng số cổ phần biểu quyết của MB.

4. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự cuộc họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

5. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện cần thiết và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên, nếu không tham dự họp với tư cách cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo lần thứ ba.

6. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ MB.

Điều 13. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, MB phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được thực hiện thông qua hình thức giơ thẻ biểu quyết: ghi mã số thứ tự cổ đông để xác định số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến và/hoặc bằng cách áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại khác (nếu có) được quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN từng thời kỳ; cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm chủ tọa; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa theo phương thức trên thì 01 thành viên Hội đồng Quản trị điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa trong số những người đến dự họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đề cử Thư ký lập Biên bản họp Đại hội, đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

6.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

6.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

6.3. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc người được ủy quyền có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo đúng Chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Người triệu tập Đại hội cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập Đại hội cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

11.1. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

12. Trong Quy chế này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB theo quy định tại Điều 46 Điều lệ MB, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm 1.1; 1.6; 1.14, 1.16 khoản 1 Điều 8 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

5.1. Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm 5.3 Khoản này;

5.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5.3. Được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:

- Quyết định phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MB;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014, cụ thể:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB;

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MB;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- 3.6. Thời hạn phải gửi về MB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- 3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của MB;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
6. Hội đồng Quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý MB.
7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 7.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- 7.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 7.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 7.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 7.5 Các quyết định đã được thông qua;
- 7.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.
- 7.7 Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB;
10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được thông qua tại Đại hội. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.
2. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014, cụ thể :

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông
- Chương trình và nội dung cuộc họp
- Chủ tọa và Thư ký
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành, và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ MB và quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này ; hoặc
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định Điều lệ MB hoặc quy định pháp luật.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 hoặc 01 số ứng cử viên. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị MB là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng Quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không phải Người điều hành của MB và thành viên Hội đồng Quản trị độc lập,

trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 19. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên HĐQT

1. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng Quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc chưa đủ ít nhất 01 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

1.2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

1.4. MB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện phù hợp quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN và Điều lệ MB. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ MB và quy định của pháp luật.

5. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm như sau:

5.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 9% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;

5.2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

5.3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

5.4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

5.5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

5.6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

5.7. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

5.8. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử. Trường hợp sau lượt bầu thứ nhất mà chưa đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát dự kiến thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu cho đến khi đủ số lượng dự kiến hoặc thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1.1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ MB và quy định của pháp luật;

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp;

1.3. Có bằng đại học trở lên;

1.4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

2.1. Không phải là người đang làm việc cho MB hoặc công ty con của MB hoặc đã làm việc cho MB hoặc công ty con của MB bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.

2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên phụ cấp khác của MB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.

2.3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của MB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của MB hoặc công ty con của MB;

2.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB;

2.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của MB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó;

2.6. Các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách là thành viên có chế độ làm việc cho Hội đồng Quản trị như cán bộ nhân viên MB, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB. Trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ thường niên, đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và quyết định các nội dung khác có liên quan đến mạng lưới thuộc nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật.

4. Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính; quyết định mô hình tổ chức của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp MB trong nước.

5. Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, chi phí lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ MB và quy định nội bộ MB.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật.

7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

8. Cử người đại diện vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 127, Khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng và các khoản cấp tín dụng khác pháp luật quy định HĐQT quyết định, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB.

11. Thông qua các hợp đồng của MB với công ty con, công ty liên kết của MB; các hợp đồng của MB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

13. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.

14. Phê duyệt kế hoạch/mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng giám đốc đề nghị.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MB.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật; Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

18. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để thẩm định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.

21. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

22. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MB.

23. Quyết định mua lại cổ phần của MB theo quy định tại Điều lệ MB.

24. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

25. Quyết định trích lập các quỹ (sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác phù hợp quy định pháp luật) trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định về việc sử dụng các quỹ; quy định trích lập và sử dụng các quỹ (trước thuế) phù hợp quy định pháp luật.

26. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

27. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

28. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

29. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

30. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

31. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp quy định pháp luật.

32. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ MB và phù hợp quy định pháp luật.

Điều 22. Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị quản trị MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MB.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành MB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

6. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình.

7. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

8. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

9. Không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn các nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.

11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp quy định của Điều lệ MB và quy định pháp luật.

Điều 23. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;

2.5. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của MB, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.6. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh;

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;

2.8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ;

2.9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

2.11. Quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật.

2.12. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: người đứng đầu/Phụ trách các Khối/Phó Giám đốc các Khối (và tương đương và tương đương đương tại MB và công ty con); người đứng đầu/Phụ trách các Chi nhánh; các chức danh quản lý của Văn phòng Hội đồng quản trị, Khối Đầu tư; Giám đốc phụ trách kinh doanh vùng và các chức danh khác theo quy định nội bộ, phù hợp quy định pháp luật.

2.13. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, trang thiết bị của MB (theo phân cấp của Hội đồng quản trị từng thời kỳ), trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, trên cơ sở tham mưu, tư vấn của (các) Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

2.14. Chỉ đạo hoạt động đầu tư, góp vốn mua cổ phần và các nội dung khác có liên quan trên cơ sở phương án đầu tư, góp vốn đã được HĐQT phê duyệt, phù hợp quy định pháp luật; chỉ đạo hoạt động quản lý công ty thành viên phù hợp quy định pháp luật, quy định MB.

2.15. Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của Người đại diện của MB tại các Công ty thành viên.

2.16. Quyết định các nội dung chi tiết việc triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới MB hàng năm sau khi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2.17. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2.18. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc MB biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị giúp việc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Số lượng và nhân sự (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 24. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của MB.

2. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của Hội đồng Quản trị phù hợp quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (là thành viên có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB.

Điều 25. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thì Hội đồng Quản trị cử ra một thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời điều hành công việc của Hội đồng Quản trị và báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Hội đồng Quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu hoặc vi phạm quy định tại Điều 56 - Điều lệ MB, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định hoặc phát sinh vi phạm, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu theo quy định của NHNN. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng Quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MB hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

- Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có). Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên được đăng ký tại MB.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên dự họp khác như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát là thành phần tham dự đương nhiên của các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể mời Tổng giám đốc hoặc người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ MB. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản giấy, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

10.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

10.2 Ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp.

10.3. Ủy quyền cho người khác không phải là Thành viên Hội đồng quản trị dự họp sau khi được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản giấy.

10.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

10.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Thủ tục gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ MB

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Người được ủy quyền được tham dự và biểu quyết (trừ trường hợp phạm vi ủy quyền có quy định khác); Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền theo đúng quy định pháp luật và phạm vi ủy quyền; đồng thời thông tin cho Người ủy quyền về các nội dung thực hiện biểu quyết có liên quan đến nội dung biểu quyết đó.

Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền chịu trách nhiệm về các công việc do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

12. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền (trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền cho thành viên HĐQT khác), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chủ tọa, các Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng về công việc tiến hành tại các cuộc họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp.

Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

15. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị.

16. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phải được thông báo đến Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cá nhân/đơn vị có liên quan.

Điều 27. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị có các Ủy ban của Hội đồng quản trị để đề xuất, tham mưu Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao, gồm: Ủy ban quản trị cấp cao; Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy ban nhân sự; Các ủy ban khác (nếu cần thiết)

2. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn thành viên, nhiệm vụ quyền hạn của Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định khác của Hội đồng Quản trị MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 28. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của MB để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể có các cơ quan, nhân viên giúp việc chuyên trách do HĐQT quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật.

3. Hội đồng Quản trị, các Ủy ban Hội đồng Quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và các quy định pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB.

4. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị MB được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty là Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc người khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ quyền hạn của Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 18 Quy chế này, phù hợp quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

1. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Ban kiểm soát:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng Quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

1.2. Cổ đông, nhóm cổ đông thực hiện đề cử người vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát theo quy trình, thủ tục tương tự như quy trình, thủ tục bầu các chức danh Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 19 Quy chế này, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

1.3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.4. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại MB.

3. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là cổ đông/đại diện cổ đông tổ chức của MB.



4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

5. Thành viên Ban Kiểm soát phải hội đủ những tiêu chuẩn sau:

5.1. Là cổ đông/đại diện cổ đông của MB;

5.2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 48, Điều 49 Điều lệ MB;

5.3. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều 53, Điều 54 Điều lệ MB;

5.4. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

5.5. Không phải là người có liên quan của người quản lý MB;

5.6. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông nước ngoài được bầu vào Ban Kiểm soát thì người này phải đáp ứng thêm được các điều kiện theo quy định của pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt nam.

Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhận chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

2.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc quản trị, điều hành MB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2.2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

2.3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành MB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2.4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của MB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

2.5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của MB.

2.6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của Người quản lý theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

2.7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của MB; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

2.8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MB.

2.9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ MB.

2.10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 72 Điều lệ MB và quy định pháp luật có liên quan.

1.2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

1.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

1.4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của MB.

1.5. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

1.6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

1.7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

1.8. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền tham gia họp các Ủy ban của HĐQT theo quy định tại Điều lệ MB, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

1.9. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của HĐQT (trường hợp tham gia) nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

1.10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:



2.1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của MB và cổ đông.

2.2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

2.3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

2.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

2.5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của MB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2.6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

2.7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

2.8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

2.9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2.10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (Lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận được nêu trong báo cáo hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của MB theo yêu cầu của Ban kiểm soát và phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho Hội đồng Quản trị. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày xác định được Thành viên Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục để bầu thành viên Ban Kiểm soát mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ

chức hợp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ MB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho chức danh bị khuyết.

6. Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận trước đây của Thành viên Ban Kiểm soát bị mất tư cách đương nhiên, miễn nhiệm, bãi nhiệm đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 33. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số quá bán 01 người trong số họ để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- 3.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- 3.2. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
- 3.3. Trưởng Ban kiểm soát;
- 3.4. Đa số thành viên Ban kiểm soát;
- 3.5. Tổng Giám đốc;
- 3.6. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1; 3.2; 3.4; 3.5 khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp kể trên mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).

5. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi tối thiểu 2 ngày trước ngày họp.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trường Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

7. Biểu quyết.

7.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.

7.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

7.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

7.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với MB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trường Ban kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

10.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số quá bán các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

10.2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được chủ tọa và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

CHƯƠNG V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị ngân hàng

1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính của MB và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quyết định từng thời kỳ.

2. Ban điều hành có nhiệm vụ điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của MB theo thẩm quyền, phù hợp chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý và ban hành Quy chế làm việc của Ban điều hành, báo cáo Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của MB;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của MB;
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý khác

Hội đồng quản trị hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ phối hợp giữa Hội đồng Quản trị Ban điều hành và Người quản lý khác trong từng thời kỳ, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau :

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao .
2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này và quy định nội bộ của MB, quy định của pháp luật, thông lệ quản trị tiên tiến phù hợp tại MB. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.
3. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ MB, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và quản trị, giám sát mọi hoạt động của MB, phù hợp quy định pháp luật.

4. Tổng Giám đốc MB hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền.

5. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Ban điều hành và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ MB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của MB, phù hợp với yêu cầu quản trị Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tổng Giám đốc MB có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị MB bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

7. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, những Người quản lý khác được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành MB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không được ảnh hưởng đến công việc chung của MB

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị bảo đảm thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng Quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MB.

3. Hội đồng Quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
 - Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành. Khi tham dự, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Tổng Giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 Biên bản họp này.
 - Ban điều hành và Người quản lý khác, lãnh đạo đơn vị Hội sở MB (báo cáo trực tiếp Tổng Giám đốc) thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của MB.
 - Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.
 - Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của MB, Ban điều hành và Người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.
 - Ban điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất..
 - Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Phối hợp khác

Các thành viên Ban kiểm soát được tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành MB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của MB.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 39. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý khác của MB phải lương thiện, chí công vô tư, không có xung đột lợi ích với MB và có các nghĩa vụ:

1.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của MB và cổ đông của MB.

1.2. Không lạm dụng địa vị và quyền hạn, không sử dụng tài sản của MB để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh; không được đem tài sản của MB cho người khác hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, làm thiệt hại lợi ích của MB;

1.3. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho MB về quyền lợi có thể xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng các cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận.

1.4. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với MB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của MB.

1.5. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Khoản 24 - Điều 1 - Điều lệ MB vay vốn/bảo lãnh từ MB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của MB, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

1.6. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.

1.7. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của tổ chức tín dụng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức tín dụng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.

1.8. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

1.9. Các nghĩa vụ khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Các hợp đồng, giao dịch của MB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB theo Luật các Tổ chức tín dụng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

2.1. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

2.2. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

3. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho MB phải có trách nhiệm bồi thường.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của MB hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của MB (nếu có) có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 39 Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ, thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên.

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

- Việc kê khai các lợi ích có liên quan phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

6. MB phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ MB và những người có liên quan của những người này. Danh sách này phải được công khai trong toàn hệ thống của MB và gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước phù hợp quy định pháp luật.

7. Các Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật) của MB với các Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và/hoặc với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Hội đồng Quản trị MB.

Điều 40. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi MB tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải đảm bảo hợp đồng được ký bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải tiến hành công bố thông tin nội dung hợp đồng theo các quy định của pháp luật và MB (nếu có).

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ MB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của MB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.

Điều 41. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến MB

1. MB phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến MB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ MB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến MB.

2. MB chủ động hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến MB thông qua:

- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của MB và đưa ra quyết định;
- Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến MB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA MB

Điều 42. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
- Đánh giá hoạt động hàng năm;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động các chức danh khác của MB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 43. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ MB, chủ trương, chính sách của MB và quy định của pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 44. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác được phân thành ba loại như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại MB.

Điều 45. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành MB và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và MB.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của MB tại từng thời điểm.

Điều 46. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ MB và các quy định khác có liên quan của MB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc của MB.

2. Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát bổ nhiệm theo quy định của Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền bổ nhiệm/tuyển dụng theo quy định của MB.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của MB tại từng thời điểm.

CHƯƠNG IX**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC****Điều 47. Xử lý vi phạm**

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của MB (bao gồm cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.

2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng Quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc MB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho MB, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho MB theo quy định.

Điều 48. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này được ĐHCĐ MB nhất trí thông qua ngày tháng năm 2019. Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 898/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT MB.

2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ MB về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ MB sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên MB có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. *gln*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Lê Hữu Đức